

Số: 854/BVNĐC-VTTBYT

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 9 năm 2025

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Căn cứ kế hoạch đấu thầu vật tư y tế, hóa chất tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.

Căn cứ báo cáo ngày 22 tháng 9 năm 2025 của phòng Vật tư Thiết bị Y tế về việc mời chào giá gói thầu Mua vật tư y tế hóa chất chưa lựa chọn được nhà thầu năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu;

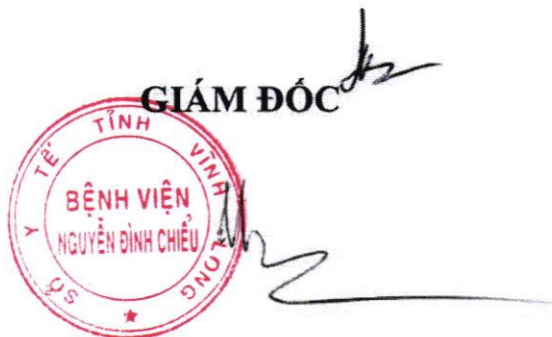
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất và vật tư y tế vui lòng gửi hồ sơ chào giá đến Bệnh viện, thông tin cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Mua vật tư y tế hóa chất chưa lựa chọn được nhà thầu năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục danh mục đính kèm.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định của từng mặt hàng.
4. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. Địa chỉ: 109 Đoàn Hoàng Minh, Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.
5. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 180 ngày tính từ ngày ký.
6. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định chi phí vận chuyển, giao hàng, và các yêu cầu khác của Chủ Đầu tư.
7. Thời gian nộp hồ sơ chào giá: trong vòng 10 ngày, kể từ thời điểm đăng tải yêu cầu chào giá trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>) và Cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.
8. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu, số 109 Đoàn Hoàng Minh, Phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long. Đồng thời gửi file mềm báo giá vào email: thaubvndc@gmail.com. Mọi vướng mắc xin vui lòng liên hệ số điện thoại: 0275.3822178 (160).
9. Yêu cầu khác: hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - + Thư chào giá của nhà thầu (ký tên, đóng dấu, theo mẫu đính kèm);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực của mặt hàng chào giá trong vòng 10 tháng (nếu có);

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;
- Phòng KHTH (đăng web BV);
- Lưu: VT, VTTBYT.



Trình Minh Hiệp

DANH MỤC YÊU CẦU CHÀO GIÁ
Tên dự toán: Mua vật tư y tế hóa chất chưa lựa chọn được nhà thầu năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu
(Đính kèm công văn số 137/VNDC-VTTBYT ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu)



STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	BS23-0141	Vít xương cứng 4.5 x (42-54)	Đường kính thân vít tính cả ren 4.5mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 42-54mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1.130
2	T01-0035	Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn dạng gel	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dạng gel, chứa cồn, không chứa chất gây dị ứng da. Đóng gói dạng can	ml	7.590.000
3	T02-0007	Băng cuộn y tế 0,07m x 1,5m	Được làm từ sợi cotton, thấm hút, không gây kích ứng da.	Cuộn	15.220
4	T02-0016	Băng keo lụa y tế	Vải lụa. Kích thước "rộng 2,5cm x dài 9 - 10m"	Cuộn	132.000
5	T02-0020	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Kết cấu từ 100% sợi cotton an toàn cho người sử dụng, mật độ dệt phù hợp với yêu cầu thấm hút đối với sản phẩm gạc. kích thước 40cm x 40cm x 4 lớp, cân quang, tiết trùng	Miếng	246.822
6	T02-0022	Meche mũi (dẫn lưu mũi họng)	Gạc dẫn lưu mũi họng 3,5cm x 75cm x 6 lớp.	Miếng	40.337
7	T03-0003	Bơm tiêm nhựa 20ml 23G	- dung tích 20ml. Vạch chia dung tích rõ nét. - Kim làm bằng thép không gỉ. Kim cỡ 23Gx1". - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	62.386
8	T03-0023	Kim luồn tĩnh mạch an toàn số 24	- Không cánh, Không cửa bơm thuốc, có đầu bảo vệ an toàn, Catheter nhựa Có đường cân quang ngầm, cỡ kim 24G, đầu kim phủ silicone.	Cái	70.200
9	T03-0027	Kim luồn tĩnh mạch số 20, có cánh có cửa	Kim 20G, chất liệu thép không gỉ, có cánh, có cửa bơm thuốc. đầu kim phủ silicone. Tiết trùng.	Cái	48.000
10	T03-0028	Kim luồn tĩnh mạch số 22, có cánh có cửa	Kim 22G, chất liệu thép không gỉ, có cánh, có cửa bơm thuốc. Đầu kim phủ silicone. Tiết trùng.	Cái	336.000
11	T03-0029	Kim luồn tĩnh mạch số 24, có cánh có cửa	Kim 24G, chất liệu thép không gỉ, có cánh, có cửa bơm thuốc. Đầu kim phủ silicone. Tiết trùng.	Cái	48.000
12	T03-0063	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu có kim 18G. Tổng chiều dài 150 -165 cm, Lưới lọc 200 ± 10 µm. Tiết trùng từng cái. Đóng gói từng cái	Cái	28.296
13	T04-0039	Ống nội khí quản 6,5 (có bóng chèn)	*Ống nội khí quản chất liệu nhựa trong suốt, có bóng chèn, đường kính trong 6.5mm.	Cái	2.031
14	T04-0122	Dây máy thở sử dụng một lần dùng cho người lớn	Dây thở sử dụng 1 lần cho người lớn - Chất liệu: bằng nhựa. - 2 bể nước. Chiều dài: 160-180cm, đường kính: 22mm	Cái	3.377
15	T05-0032	Chỉ khâu không tiêu số 3/0	Chỉ không tan tự nhiên, đa sợi. Kim làm bằng thép không gỉ. Cỡ chỉ số 3/0, chỉ dài 75-90cm. Kim tròn, vòng kim 1/2C 26mm.	Tép	3.581
16	T05-0057	Chỉ tiêu đa sợi số 4/0	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone và calcium stearate, cỡ chỉ 4/0, chỉ dài 75-90cm, kim tròn phủ silicone, chất liệu thép không gỉ, vòng kim 1/2C, 18-20mm.	Tép	2.039

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
17	T07-0012	Thủy tinh thể mềm đa tiêu khúc xạ toàn phần không đối xứng	1.Chất liệu: HydroSmart®,Acrylic với bề mặt kỵ nước. 2.Thiết kế: 1 mảnh, mềm, dạng phiến hoặc dạng đĩa, rìa vuông 360 độ liên tục mặt sau. Thiết kế phi cầu mặt sau. 3. Lọc tia cực tím. 4.Đường kính optic: bé hơn hoặc bằng 6.0 mm 5.Đường kính tổng thể: bé hơn hoặc bằng 11.0 mm 6. Công suất cộng thêm cho tiêu điểm nhìn gần + 1.5 D ± 5%, thiết kế dạng đa tiêu khúc xạ không đối xứng. 7.Chỉ số khúc xạ: từ 1.45 đến 1.50 8.Dãy công suất: từ -10.00 D đến +36.00 D 9.Kích thước vết mờ: lớn hơn hoặc bằng 1.8 mm 10. Kèm dụng cụ đặt kính 11. sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE	Cái	539
18	T08-0011	Bộ khớp háng bán phần không xi măng loại 4	-Khớp háng Bipolar không xi măng chêm 3 chiều, cạnh vuông vòng khóa đàn hồi: 1. Chuôi: Titanium-Niobium: Ti6Al7Nb (ISO 5832-11), sandbalsted và phủ HA ; dạng thẳng, có rãnh dọc ngang làm tăng diện tích tiếp xúc lên 10-15%; bờ cạnh vuông, tiết diện hình chữ nhật/hình thang; chêm 3 chiều (Triple Taper), đuôi nhọn, double tapered distal tip; Taper 12/14 và Chiều dài Taper là 12mm, có các răng nhỏ; cổ tròn dài 33,9mm ; góc cổ thân 127° hoặc 135°; dài 123.5, 127.5, 131.5, 135.5, 139.5, 143.5, 147.5, 151.5, 155.5, 159.5, 163.5, 167.5mm, offset 35.4mm-55.5mm; kích cỡ: 11 cỡ standard, cổ ngắn hơn 5 mm, 12 cỡ cổ ngắn: từ 00SN, 0SN, 1SN,... 10SN 2. Chỏm: Cobalt Chrome/stainless steel, đường kính 22, 28mm; gồm các cỡ S(-3.5), M(+0), XL(+3.5), XL(+7), XXL(+10.5). 3. Đầu lưỡng cực: Bên ngoài Stainless Steel và lớp đệm bên trong UHMWPE có hệ số radiation 100kGy và nhiệt độ ổn định 150°C, có vòng khóa đàn hồi; kích cỡ từ 39mm-60mm.	Bộ	96
19	T11-0002	Dịch nhầy bơm vào kính, mắt	1. Độ kết dính cao. 2. Thành phần: Sodium hyaluronate nồng độ 2%, nguồn gốc lên men sinh học. 3. Độ thẩm thấu: từ 300 đến 400 mOsm/kg 4. Thể tích ống: 1.1 ml, kim bơm 27G. 5. Độ PH: từ 6.5 - 8 6. Trọng lượng phân tử: từ 2.900.000 đến 3.100.000 Dalton 7. Chỉ số dẻo: từ 200 - 250 8. Độ nhớt biểu kiến: từ 800.000 đến 1.000.000 mPa.s 9. Phương pháp tiệt trùng: hơi nước và ETO. 10. sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	Ống	4.700
20	T12-0005	Đinh nội tủy 1.5 không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 1.5mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	240

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
21	T12-0006	Đinh nội tủy 1.6 có ren, không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 1.6mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	220
22	T12-0007	Đinh nội tủy 1.8 có ren, không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 1.8mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	480
23	T12-0008	Đinh nội tủy 2.0 có ren, không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 2.0mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	480
24	T12-0009	Đinh nội tủy 2.2 có ren, không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 2.2mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	110
25	T12-0010	Đinh nội tủy 2.5 có ren, không ren chiều dài các cỡ	Đường kính 2.5mm, dài 31cm. chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh không có ren	Cái	108
26	T12-0011	Đinh nội tủy có ren, không ren đường kính từ 1.2 đến 2.5 chiều dài các cỡ	Đường kính 1.2 đến 2.5 mm, dài 31cm, chất liệu thép không gỉ. Đầu đinh có ren hoặc không ren	Cái	440
27	T12-0030	Nẹp bản nhỏ cẳng tay 6 lỗ dùng vis 3.5	Bề dày nẹp 3mm, rộng nẹp 10mm, nẹp có 6 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ bắt vis là 12mm, chiều dài nẹp 74 mm	Cái	411
28	T12-0035	Nẹp bản nhỏ cẳng tay các lỗ dùng vis 3.5	Bề dày nẹp 3mm, rộng nẹp 10mm, khoảng cách giữa các lỗ bắt vis là 12mm, chiều dài nẹp từ 38 đến 98 mm	Cái	264
29	T12-0036	Nẹp bản hẹp các lỗ (cánh tay, cẳng chân)	Bề dày nẹp 3.5mm, nẹp rộng 11mm, khoảng cách giữa các lỗ bắt vis là 16mm, chiều dài nẹp từ 39 đến 263mm, dùng vít 4.5 mm	Cái	274
30	T12-0038	Nẹp bản rộng (nẹp xương đùi) 8 lỗ dùng vít 4.5 mm	Bề dày nẹp 4.5mm, nẹp rộng 16mm, nẹp có 8 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ là 16mm, chiều dài nẹp 135 mm	Cái	120
31	T12-0039	Nẹp bản rộng (nẹp xương đùi) 10 lỗ dùng vít 4.5 mm	Bề dày nẹp 4.5mm, nẹp rộng 16mm, nẹp có 10 lỗ, khoảng cách giữa các lỗ là 16mm, chiều dài nẹp 167 mm	Cái	57
32	T12-0068	Vis xương cứng 3.5 x 16 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6 mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 16mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1.200
33	T12-0069	Vis xương cứng 3.5 x 18 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 18mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ	Cái	1.200
34	T12-0070	Vis xương cứng 3.5 x 20 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 20mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ	Cái	480
35	T12-0071	Vis xương cứng 3.5 x 22 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 22mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ	Cái	240

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
36	T12-0072	Vis xương cứng 3.5 x 24 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 24mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ	Cái	240
37	T12-0073	Vis xương cứng 3.5 x 26 mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài 26mm, vít tự taro hoặc không taro. Chất liệu thép không gỉ	Cái	240
38	T12-0074	Vis xương cứng 3.5 x 16-26mm	Vis xương cứng. Đường kính mũ vis 6mm, đường kính lõi vis 1.9mm, đường kính thân vis có ren 3.5mm, chiều dài 26 mm	Cái	1.200
39	T12-0077	Vis xương cứng 4.5 x 24	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 24mm	Cái	720
40	T12-0078	Vis xương cứng 4.5 x 26	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 26mm	Cái	720
41	T12-0079	Vis xương cứng 4.5 x 28	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 28mm	Cái	360
42	T12-0080	Vis xương cứng 4.5 x 30	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 30mm	Cái	600
43	T12-0081	Vis xương cứng 4.5 x 32	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 32mm	Cái	600
44	T12-0082	Vis xương cứng 4.5 x 34	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 34mm	Cái	600
45	T12-0085	Vis xương cứng 4.5 x (20-40)	Vis xương cứng. Đường kính thân vis tính cả ren 4.5mm, đường kính lõi vis 3 mm, đường kính mũ vít 8mm, dài 20-40mm	Cái	290
46	T15-0052	Test kiểm soát đồ vải đã tiệt khuẩn bằng hơi nước	Test thử nhiệt độ gói hấp (Que giấy chỉ thị hóa học 02 thông số) 1,5cm x 20cm.	Que	94.800
47	T15-0077	Giấy điện tim 3 cần 6 cm	Giấy in nhiệt dùng cho máy đo điện tim, khổ giấy 60mm. Dạng cuộn tròn.	cuộn	1.922
48	T09-0004	Bóng nong áp lực thường	Chất liệu Nylon 12. Thiết kế dạng Rapid Exchange, 2 vạch đánh dấu Platinum - Iridium, tip profile 0.017". Đầu xa: đường kính 2.55F (0.85mm), chất liệu Nylon 12. Đầu gần: đường kính 1.9F (0.63mm). Chiều dài hữu dụng catheter: 135cm. Áp lực thông thường 6atm, áp lực tối đa 14atm. Tiết diện nhỏ nhất: 0.025"-0.063". Đường kính: 1.5-4.0mm, chiều dài 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 30, 35, 40 mm.	Cái	216
49	T18-0099	Cup chạy QC, Calib hoặc dùng chiết mẫu ít 0.5mL	Ống lấy mẫu 0,5 mL	Cái	1.846

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
50	T03-0105	Túi Camera nội soi	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng.	Cái	5.908
51	T04-0104	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây hút dịch phẫu thuật, chất liệu Nhựa, trong suốt dây dẻo, có 2 đầu nối nhựa mềm dẻo. Tiệt trùng từng cái	Cái	31.063
52	T05-0040	Lưỡi dao mổ số 11	Chất liệu thép không gỉ, bén, kích thước số 11	Cái	6.829
53	T15-0026	Clip cầm máu nội soi	Loại sử dụng 1 lần. Clip lắp sẵn với tay gắp. Độ mở clip 12mm. Xoay được 360 độ, clip có thể đóng mở nhiều lần. Dài 195cm. Dùng được cho dạ dày và đại tràng.	Cái	201
54	T12-0113	Mũi khoan xương 2.7-3.5x120-160mm	Chế tạo bằng vật liệu thép không gỉ, có các kích cỡ: 2.7mm x 120-160mm	Cái	5.760
55	T13-0031	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt bao gồm 6 vòng dây thun được lắp sẵn, tương thích đường kính ống soi 9,5-11mm, cấu trúc 1 sợi kéo. Có ngã tưới rửa.	Cái	371
56	T12-0092	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ	Vật liệu: hợp kim titanium hoặc titanium alloy. Mỗi bộ sản phẩm bao gồm: 1 nẹp khóa đầu trên xương chày, phân biệt trái/phải Vít khóa 5.0mm: từ 5 đến 12 cái Vít xương cứng 4.5mm hoặc vít khóa 6.5mm và vít xỏ: từ 2 cái trở lên. Trợ cụ hỗ trợ đi kèm. 1. Nẹp khóa đầu trên xương chày: Phân loại: trái/phải, dùng cho mặt ngoài xương chày Cấu trúc: đầu nẹp có từ 3 đến 5 lỗ, cổ nẹp có 2 lỗ, thân nẹp từ 3 đến 14 lỗ Kích thước: Chiều dài: từ 88mm đến 320mm Chiều rộng thân: từ 14mm đến 16mm Độ dày: từ 3.7mm đến 5mm Khoảng cách giữa các lỗ: từ 18mm đến 20mm. Lỗ bắt vít: kết hợp vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm, có thể dùng vít xỏ 6.5mm. 2. Vít khóa 5.0mm Đường kính thân vít: 5.0mm Đường kính lõi vít: từ 3.5mm đến 4.3mm Đường kính đầu vít: từ 6.78mm đến 8mm Chiều dài: từ 10mm đến 110mm Bước tăng 2mm từ 10mm đến 50mm Bước tăng 5mm từ 50mm đến 110mm Ren vít: từ 1mm đến 1.2mm, có ren khóa, vít tự taro, đầu vít dùng tua vít hình lục giác hoặc ngôi sao. 3. Vít xương cứng 4.5mm Đường kính thân vít: 4.5mm Đường kính lõi vít: từ 2mm đến 3.7mm Đường kính đầu vít: từ 5mm đến 8mm Chiều dài: từ 14mm đến 100mm Bước tăng 2mm từ 14mm đến 70mm Bước tăng 5mm từ 70mm đến 100mm Ren vít: từ 1.25mm đến 1.75mm, vít tự taro, đầu vít hình lục giác hoặc ngôi sao. 4. Vít khóa 6.5mm (nếu không dùng vít xương cứng 4.5mm) Đường kính thân vít: 6.5mm Đường kính đầu vít: 8mm Chiều dài: từ 20mm đến 100mm Đặc điểm: cổ mũ vít có ren, vít tự taro, dùng tua vít hình lục giác. 5. Đóng gói và bảo quản: Sản phẩm được đóng gói tiệt trùng	Bộ	120

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
57	T12-0095	Bộ nẹp	Tiêu chuẩn ISO, Chất liệu titanium alloy Bao gồm : 1 nẹp khóa + vít khóa +vít xương cứng 3.5mm 1/ Nẹp khóa căng tay 5-12 lỗ: Thân rộng 9-12 mm, dày 2.5-4mm, các lỗ từ 5 đến 12 lỗ khoảng cách giữa các lỗ 12mm-14mm. Lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm. Đóng gói tiệt trùng 3 năm từ nhà sản xuất. 2/ Vít khóa đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0-6.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 0.8 – 1 mm, đường kính lõi 2.5 -2.85 mm, dài 12-60 bước tăng 2-5mm. 3/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0 -6.0 mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1.25 -1.5 mm, đường kính lõi 2 – 2.4 mm, dài 10-50mm, bước tăng 2mm. Có trợ cụ hỗ trợ.	Bộ	192
58	T12-0097	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay sau / ngoài	Tiêu chuẩn ISO, Chất liệu titanium alloy Bao gồm : 1 nẹp khóa + vít khóa 3.5mm + vít xương cứng 3.5mm + vít khóa 2.7mm 1/. Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài 3 - 13 lỗ Đầu nẹp 5 - 8 lỗ, rộng 20 - 22mm, dày 1.4-2.5 mm. dùng vít 2.7 mm Thân nẹp rộng 10 - 12mm, dày 2.2-2.5mm, có 3-14 lỗ khoảng cách lỗ 13mm, có trái/ phải. Đóng gói tiệt trùng. 2/ Vít khóa đường kính 2.7mm: đường kính đầu vít 3.5-3.6mm, đường kính thân vít 2.7mm, ren 0.5 – 1.0mm, đường kính lõi 1.6 – 2.15mm, dài 6 - 40mm bước tăng 2mm, tự taro. 3/ Vít khóa đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0 – 6.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 0.8 - 1mm, đường kính lõi 2.5 – 3.0mm, dài 8 – 40 mm, bước tăng 2- 5 mm. 4/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0 – 6.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1- 1.5 mm, đường kính lõi 2.0 – 2.8mm, dài 10 – 50 mm, bước tăng 2 – 5 mm. Có trợ cụ hỗ trợ.	Bộ	96

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
59	T12-0098	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay trong	Tiêu chuẩn ISO, Chất liệu titanium alloy Bao gồm : 1 nẹp khóa + vít khóa 3.5mm + vít xương cứng 3.5mm 1/.Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt trong 3 - 13 lỗ: đầu 3 – 5 lỗ, rộng 10 - 11mm, dày 2.5 – 3.5mm, 3-13 lỗ thân tương ứng chiều dài 60-240 mm , khoảng cách lỗ 10 - 15mm, trái/ phải. Đầu nẹp dùng vít khóa 2.7mm. Thân lỗ kết hợp dùng vít khóa 3.5mm kết hợp vít xương cứng 3.5mm . Đóng gói tiệt trùng có thời hạn từ nhà sản xuất. 2/ Vít khóa đường kính 2.7mm: đường kính đầu vít 3.5 – 4.0mm, đường kính thân vít 2.7mm, ren 0.5 – 1.0mm, đường kính lõi 1.5 - 2.15mm, dài 6 - 40mm bước tăng 2mm. 3/ Vít khóa đường kính 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 0.5 - 1mm, đường kính lõi 2.5 – 3.0mm, dài 8 – 40 mm bước tăng 2-5 mm. 4/ Vít xương cứng 3.5mm: đường kính đầu vít 5.0 – 6.0mm, đường kính thân vít 3.5mm, ren 1- 1.5 mm, đường kính lõi 2 – 2.5mm, dài 10 – 50 mm, bước tăng 2 – 5 mm. Có trợ cụ hỗ trợ.	Bộ	93
60	T12-0101	Bộ nẹp	Tiêu chuẩn ISO, Chất liệu titanium alloy Bao gồm : 1 nẹp khóa + vít khóa 6.5+ vít khóa 5.0mm+ vít xương cứng 4.5mm 1/ Nẹp khóa đầu trên xương đùi từ 6 đến 14 lỗ: Loại trái/ phải Đầu nẹp 6 lỗ, rộng 26 - 26.5mm, dày 2 - 7mm, dùng vít khóa rỗng nòng 6.5mm Thân nẹp rộng 17 - 18mm, dày 6 - 6.5mm, 6/8/10/12/14 lỗ khoảng cách giữa các lỗ 18mm Lỗ vít kết hợp dùng vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm tự taro Đóng gói tiệt trùng từ nhà sản xuất. 2/ Vít khóa rỗng nòng 6.5mm: đường kính đầu vít 8.5 – 9.0mm, đường kính thân vít 6.5mm, ren 2.0 – 3.0mm, đường kính lõi 2 – 5.5mm, dài 60 - 120mm, bước tăng 5mm. 3/ Vít khóa 5.0mm: đường kính đầu vít 5.0 – 8.0mm, đường kính thân vít 5.0mm, ren 1.0 – 1.5mm, đường kính lõi 3.5 – 4.5mm dài 14 - 50mm bước tăng 2mm, dài 55 - 110mm bước tăng 5mm. 4/ Vít xương cứng 4.5mm: đường kính đầu vít 5.0 – 8.0mm, đường kính thân vít 4.5mm, ren 1.0 – 2.0mm, đường kính lõi 2 - 3mm, dài 20 -60 mm, tự taro, bước tăng 2-5mm Có trợ cụ hỗ trợ.	Bộ	480

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
61	T12-0096	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay	Chất liệu titanium. Bao gồm: 1 Nẹp khóa xương titanium + vít khóa + vít xương cứng, tương thích với nhau. 1/ Nẹp khóa: - Đầu nẹp 09 lỗ, dày 2mm đến 2.9 mm, rộng $\geq 20.8\text{mm}$ - Thân nẹp: dày 2mm đến 2.2mm, rộng $\geq 7.6\text{mm}$, khoảng cách các lỗ 9mm, có 3 đến 6 lỗ, chiều dài $\geq 48\text{mm}$. 2/vít khóa đường kính 2.7mm: Đường kính đầu vít 3.5 đến 3.6mm, đường kính thân vít 2.7mm, đường kính lõi vít 2.0mm đến 2.05mm, nhiều độ dài $\geq 10\text{mm}$, tự taro. 3/ vít xương cứng đường kính 2.7mm: đường kính đầu vít 3.5mm đến 5mm, đường kính thân vít 2.7mm, đường kính lõi vít 1.5mm đến 2.0mm, nhiều độ dài $\geq 10\text{mm}$, tự taro. Có trợ cụ hỗ trợ.	Bộ	70
62	T12-0090	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Vật liệu titanium hoặc hợp kim titanium. Bộ sản phẩm bao gồm: 01 nẹp khóa đầu dưới xương đùi (phân biệt trái/phải) - Vít khóa đường kính 5.0mm hoặc vít khóa 6.5mm - Vít xương cứng hoặc vít vỏ đường kính 4.5mm - Trợ cụ hỗ trợ thao tác phẫu thuật Thông số kỹ thuật chung: - Đầu nẹp: rộng 32–32.2mm, dày từ 3–5.5mm, có từ 6–7 lỗ bắt vít khóa, có thể thêm 3 lỗ xuyên kim Kirschner. - Thân nẹp: rộng từ 16–16.5mm, dày từ 5.5–6mm, chiều dài từ 136mm đến 356mm, số lượng lỗ từ 4 đến 15, khoảng cách giữa các lỗ từ 18mm đến 20mm. - Lỗ bắt vít: thiết kế kết hợp, tương thích với vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm. Vít khóa 5.0mm: - Đường kính đầu vít: từ 6.78mm đến 8.0mm - Đường kính thân vít: 5.0mm - Đường kính lõi vít: từ 3.5mm đến 4.3mm Ren: từ 1.0mm đến 1.2mm, toàn thân ren, có rãnh tự taro Chiều dài: từ 10mm đến 110mm, bước tăng 2mm cho size nhỏ và 5mm cho size lớn Đầu vít: dùng tua vít hình lục giác hoặc ngôi sao Vít xương cứng / vít vỏ 4.5mm: - Đường kính đầu vít: từ 6.9mm đến 8.0mm - Đường kính thân vít: 4.5mm - Đường kính lõi vít: từ 3.0mm đến 3.7mm Ren: 1.75mm, toàn thân ren, có rãnh tự taro Chiều dài: từ 14mm đến 100mm, bước tăng 2mm cho size nhỏ và 5mm cho size lớn Đầu vít: hình lục giác chìm hoặc ngôi sao Vít khóa 6.5mm (nếu không dùng vít 5.0mm): - Đường kính đầu vít: 8.0mm - Đường kính thân vít: 6.5mm - Đường kính lỗ bắt tước nơ vít: 4.0mm Chiều dài: từ 20mm đến 100mm Thiết kế cổ mũ vít có ren, dạng tự taro.	Bộ	114

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
63	T12-0091	Bộ nẹp DHS	Vật liệu: titanium hoặc titanium alloy. 1. Nẹp khóa DHS Hướng vít cố xương đùi nghiêng 130-137 độ Chiều rộng thân nẹp từ 17mm đến 19mm. Độ dày thân nẹp từ 5 mm đến 6mm Chiều dài cổ nẹp từ 30mm đến 38mm (1.5 inches) Đường kính ngoài cổ nẹp 11mm đến 13mm. Đường kính trong cổ nẹp 8mm đến 9mm. Số lượng lỗ từ 2 đến 12 lỗ. Chiều dài tổng thể nẹp từ 52mm đến 230mm. Khoảng cách giữa các lỗ bắt vít từ 15mm đến 20mm. Các lỗ bắt vít có ren khóa, tương thích với vít khóa chuyên dụng. 2. Vít DHS (vít cố xương đùi): đường kính phần có ren 11mm-13 mm Chiều dài vít từ 50mm đến 120mm. Chiều dài đoạn ren từ 20mm đến 33mm. Đường kính lõi vít từ 8mm đến 9mm. Đường kính đầu vít từ 8.9mm đến 12.5mm. Đường kính đầu có ren 11mm-13 mm, đường kính thân 8mm-9mm, đường kính đầu vis (đầu vận) phải phù hợp với đường kính thân 8mm-9mm. Bước ren 3mm. 3. Vít nén DHS Chiều dài vít 26mm - 36mm. Đường kính mũ vít 9mm-10mm. đường kính mũ vis phải lớn hơn đường kính thân vis và nhỏ hơn đường kính ngoài của cổ nẹp. Đường kính thân vít 3.5mm đến 4.5 mm 4. Vít khóa 5.0mm Đường kính thân vít 5.0mm. Chiều dài vít từ 10mm đến 110mm. Từ 10mm đến 50mm: bước tăng 2mm. Từ 55mm đến 110mm: bước tăng 5mm. Đường kính đầu vít từ 6.5mm đến 7.5mm. Đường kính lõi vít từ 3.5mm đến 4.5mm. Bước ren từ 1mm đến 1.2mm. Đầu vít hình lục giác, vít tự taro, sử dụng mũi khoan 4.0mm đến 4.3mm. 5. Vít xương cứng 4.5mm Đường kính thân vít 4.5mm. Chiều dài vít từ 14mm đến 100mm. Từ 14mm đến 70mm: bước tăng 2mm. Từ 70mm đến 100mm: bước tăng 5mm. Đường kính đầu vít 7mm đến 8.5mm. Đường kính lõi vít 3mm đến 3.5mm. Bước ren 1.75mm. Đầu vít hình lục giác, vít tự taro, sử dụng mũi khoan 3 - 3.2mm. Bộ sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE.	Bộ	69

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
64	T12-0089	Bộ nẹp đầu trên xương đùi	Vật liệu titanium alloy hoặc titanium nguyên chất: Bộ sản phẩm bao gồm: 01 nẹp khóa Vít khóa đường kính 5.0mm Vít xương cứng đường kính 4.5mm Hoặc có thêm vít khóa 6.5mm và 7.5mm Có trợ cụ hỗ trợ thao tác phẫu thuật. 1. Nẹp khóa Độ rộng thân nẹp: từ 17.5mm đến 18mm Độ dày thân nẹp: từ 5.2mm đến 6mm Số lượng lỗ: từ 5 đến 18 lỗ Khoảng cách giữa các lỗ: 18mm Chiều dài nẹp: từ 98mm đến 342mm Thiết kế lỗ kết hợp: dùng được cả vít khóa 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm, có thể tự taro Hoặc có thêm lỗ hình số tám, tích hợp lỗ ren và lỗ trơn, đuôi đẹp dễ luồn. 2. Vít khóa 5.0mm Đường kính thân vít: 5.0mm Đường kính lõi vít: từ 3.5mm đến 4.3mm Đường kính mũ vít: từ 6.78mm đến 8.0mm Ren vít: từ 1.0mm đến 1.2mm Chiều dài vít: từ 10mm đến 110mm Tầng 2mm mỗi cỡ từ 10mm đến 50mm Tầng 5mm mỗi cỡ từ 50mm đến 110mm Vít toàn ren, đầu vít có xẻ rãnh để tự taro, dùng tua vít hình lục giác hoặc ngôi sao. 3. Vít xương cứng 4.5mm Đường kính thân vít: 4.5mm Đường kính lõi vít: từ 3.0mm đến 3.7mm Đường kính mũ vít: từ 6.9mm đến 8.0mm Ren vít: 1.75mm Chiều dài vít: từ 14mm đến 100mm Tầng 2mm mỗi cỡ từ 14mm đến 70mm Tầng 5mm mỗi cỡ từ 70mm đến 100mm Vít toàn ren, đầu vít có xẻ rãnh để tự taro, dùng tua vít hình lục giác hoặc ngôi sao. 4. Vít khóa đặc biệt (nếu không sử dụng vít khóa 5.0mm) Vít khóa 6.5mm: thân vít 6.5mm, dài từ 20mm đến 100mm Vít khóa 7.5mm: thân vít 7.5mm, dài từ 30mm đến 145mm, dạng rỗng lòng, tương thích với nẹp cong đầu trên xương đùi..	Bộ	480

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
65	T12-0094	Bộ nẹp đầu trên xương cánh tay	Vật liệu: hợp kim titanium hoặc titan nguyên chất. Bộ sản phẩm bao gồm 01 nẹp khóa đầu trên xương cánh tay Vít khóa 3.5mm (số lượng tùy theo thiết kế nẹp) Vít xương cứng 3.5mm Trục cụ hỗ trợ phẫu thuật. 1. Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay Số lỗ: từ 3 đến 17 lỗ Đầu nẹp: từ 4 đến 10 lỗ, rộng từ 12mm đến 20.5mm, dày từ 1.8mm đến 3mm Thân nẹp: rộng từ 12mm đến 12.5mm, dày từ 2.5mm đến 3mm, chiều dài từ 75mm đến 211mm Lỗ kết hợp: dùng được cả vít khóa và vít xương cứng 3.5mm, có thể tự taro hoặc có thêm lỗ trượt, lỗ hình số tám, lỗ xuyên kim Kirschner, đuôi dẹp dễ luồn. 2. Vít khóa 3.5mm Đường kính thân vít: 3.5mm Đường kính lõi vít: từ 2.5mm đến 2.85mm Đường kính đầu vít: từ 5.0mm đến 6.0mm Chiều dài vít: từ 8mm đến 80mm Tăng theo bước 2mm từ 8mm đến 50mm Tăng theo bước 5mm từ 50mm đến 80mm Ren: từ 0.8mm đến 1mm, có loại có ren ở cổ mũ vít Đầu vít: hình lục giác hoặc ngôi sao, có rãnh tự taro. 3. Vít xương cứng 3.5mm Đường kính thân vít: 3.5mm Đường kính lõi vít: từ 1.9mm đến 2.4mm Đường kính đầu vít: 6.0mm Chiều dài vít: từ 8mm đến 90mm Tăng theo bước 2mm từ 8mm đến 50mm Tăng theo bước 5mm từ 50mm đến 90mm Đầu vít: hình lục giác hoặc ngôi sao, có rãnh tự taro.	Bộ	67
66	T12-0103	Vít xương khoan trước đk 2.0mm dài 6-12mm	-Vít Titan đường kính 1.9mm đến 2.0mm dài 6-8-10-12 mm-Tương thích với mũi khoan đường kính 1.6mm. Đồng bộ (sử dụng được) với sản phẩm có mã số mời thầu T12-0105 và T12-0106.	Cái	3.000
67	T12-0105	Nẹp thẳng 4 lỗ	-Nẹp cố định Titanium (hoặc tương đương) loại thẳng 4 lỗ độ dày 1mm -Tương thích với vít 1.95-2.0mm khoảng cách hai lỗ 5.5mm, chiều rộng 4.5mm có loại bắc cầu thường 5.5mm và bắc cầu dài 11.5mm đa dụng. Đồng bộ (sử dụng được) với sản phẩm có mã số mời thầu T12-0103	Cái	690
68	T12-0106	Nẹp thẳng 6 lỗ	-Nẹp cố định Titanium Grade 3 (hoặc tương đương) loại thẳng 6 lỗ, độ dày 1mm. -Tương thích với vít 1.95-2.0mm khoảng cách 2 lỗ 5.5mm, chiều rộng 4.5mm, 6 lỗ dài 32mm. Đồng bộ (sử dụng được) với sản phẩm có mã số mời thầu T12-0103	Cái	351
69	T12-0115	Mũi khoan xương 3.5 mm dài 200-220mm	Chế tạo bằng vật liệu thép không rỉ, có các kích cỡ 3.5mm x 200-220mm.	Cái	600

STT	Mã số	Tên mời thầu	Yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
70	T12-0116	Mũi khoan xương 6.0mm	Mũi khoan xương sử dụng 1 lần, chế tạo bằng vật thép không rỉ. Đường kính 6.0mm. Đóng gói trong túi ép y khoa, đã tiệt trùng.	Cái	594
71	T12-0123	Đai Desault (các số)	Đai Desault phải, trái, các số: từ số 0-3: Chất liệu: + Vải cotton, vải không dệt có lỗ thoáng khí + Khóa Velcro - Cố định.	Cái	720
72	T12-0125	Đai xương đòn số 8	Đai cố định xương đòn số 8 bằng vải thun, cotton, mouse đệm, băng dán xé, dài 25cm-35cm, ngang 6cm đến 8cm..	Cái	936
73	T12-0127	Đai xương đòn các số	Đai cố định xương đòn các số bằng vải thun, cotton, mouse đệm, băng dán xé, dài 25cm-35cm, ngang 6cm đến 8cm..	Cái	1.200
74	T12-0134	Nẹp	Hộp kim nhôm đặc biệt dễ uốn cong nhưng rất chắc chắn khi cố định. Lớp xốp mềm, thoáng khí.	Cái	1.335
75	BS23-0123	Bộ tạo lối vào nội soi qua lỗ liên hợp có 3 cỡ ống doa xương, mảnh	Bộ tạo lối vào cho nội soi cột sống qua lỗ liên hợp: - Có kim cỡ 20G và 21G, vật liệu: thép không gỉ - Có bơm tiêm cỡ 2ml, 5ml, 10ml, vật liệu: Polypropylene và Polyethylene - Có kim chọc tiêm thuốc cân quang cỡ 18G và 21G, vật liệu: thép không gỉ - Có 3 cỡ ống doa, vật liệu: thép không gỉ - Có que dẫn đường, vật liệu: Nitinol.	Cái	14

CÔNG TY.....

Địa chỉ:

Thông tin liên hệ:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua vật tư y tế hóa chất chưa lựa chọn được nhà thầu năm 2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu

Kính gửi: Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu

Theo công văn mời báo giá số /BVNĐC-VTTBYT, Công ty chúng tôi xin chào giá như sau:

STT	Mã số hàng hóa yêu cầu chào giá	Mã HS theo thông tư số 14/2018/TT-BYT	Mã Chung loại hoặc Mã hiệu sản phẩm theo Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024	Mã vật tư y tế theo Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024	Số phiếu tiếp nhận/ số đăng ký lưu hành/ giấy phép nhập khẩu/ tờ khai hải quan	Tên hàng hóa yêu cầu chào giá	Tên hàng hóa chào giá/ Tên thương mại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT theo yêu cầu chào giá	Quy cách	Tiêu chí kỹ thuật yêu cầu chào giá	Tiêu chí kỹ thuật của mặt hàng chào giá	Đơn giá
1	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2														
3														
4														

Lưu ý: Cột số (4): nhà thầu điền mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT hoặc Thông tư 04/2017/TT-BYT

Ghi chú

Báo giá trên có hiệu lực đến ngày.....

Đơn giá trên đã bao gồm tất cả các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu

Thời gian giao hàng.....

Nhà thầu báo giá với đơn giá cho một đơn vị tính theo yêu cầu

Nếu Nhà thầu báo giá không theo mẫu đính kèm, bảng báo giá xem như không hợp lệ và không có giá trị

Ngày tháng năm 2025

Đại diện hợp pháp của Công ty

Chức vụ

(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

